

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2015

BẢNG KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, NHÂN LỰC

1. Cơ sở hạ tầng:

- Diện tích mặt bằng: 505 m².
- Diện tích sử dụng: 660 m².
- Bình quân diện tích: 63 m²/ giường bệnh.

Trạm Y tế của nhà trường được bố trí 8 phòng nhà tầng, mỗi phòng rộng 45 m² và có công trình phụ khép kín.

TT	Tên phòng	Diện tích
1	Phòng Trưởng Trạm	45 m ²
2	Kho thuốc	45 m ²
3	Phòng trực cấp cứu, BHYT	45 m ²
4	Phòng họp	45 m ²
5	Phòng đa chức năng	45 m ²
6	Phòng Khám bệnh, tư vấn	45 m ²
7	Phòng RHM	45 m ²
8	Phòng bệnh nhân	45 m ²

2. Thiết bị y tế:

Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 2271/2002/BYT-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế (Danh mục kèm theo).

TT	TÊN BỘ PHẬN VÀ TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I	DỤNG CỤ KHÁM ĐIỀU TRỊ CHUNG		
1	Giường bệnh	Cái	12
2	Tủ đầu giường	Cái	12
3	Bàn khám bệnh	Cái	2
4	Đèn bàn khám bệnh	Cái	2
5	Huyết áp	Cái	6
6	Ống nghe 2 dây	Cái	6

7	Nhiệt Kế y học 42 C	Cái	20
8	Máy châm cứu	Cái	1
9	Bộ kim châm cứu các loại (Bổ sung thêm khi có nhu cầu)	Bộ	10
10	Máy khí dung	Cái	3
11	Máy đo đường huyết	Cái	2
12	Bình O xy	Cái	1
13	Quạt sưởi	Cái	3
14	Nồi hấp điện khử trùng	Cái	1
15	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	2
16	Cân có thước đo	Cái	2
17	Đèn lưới I nox	Cái	300
18	Đèn lưới gỗ	Cái	300
19	Bàn đẽ	Cái	1
20	Bàn đẽ dụng cụ	Cái	1
21	Cáng tay	Cái	1
22	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	2
23	Khay quả đậu 825 ml Inox	Cái	2
24	Hộp tiểu phẫu	Hộp	3
25	Khay quả đậu 475 ml Inox	Cái	2
26	Khay đựng dụng cụ vuông	Cái	2
27	Hộp hấp bông gạc có nắp	Cái	2
28	Tủ sấy dụng cụ bằng điện	Cái	1
29	Bồn rửa tay có vòi	Cái	8
30	Bơm tiêm nhựa 1 lần 5ml	Cái	200
31	Kẹp phẫu tích thẳng có máu	Cái	3
32	Kẹp phẫu tích cong không máu	Cái	3
33	Kẹp phẫu tích thẳng không máu	Cái	1
34	Kéo thẳng nhọn 150cm	Cái	3
35	Kéo thẳng tù 150 cm	Cái	3
36	Kéo cong tù	Cái	3
37	Kéo cắt bông gạc	Cái	3
38	Kim mang kim Mayo 20cm	Cái	3
39	Kim cong các cỡ	Cái	5
40	Panh thẳng có máu	Cái	3

41	Panh thẳng không máu	Cái	3
42	Chỉ Lin	Cuộn	1
43	Kẹp bờ my	Cái	1
44	Kẹp cố định cháp	Cái	1
45	Mặt nạ Ambu	Cái	1
46	Chỉ liên kim các cỡ	Cái	10
47	Bảng thử thị lực	Cái	2
48	Kính lúp	Cái	2
49	Ghế răng đơn giản	Cái	1
50	Máy Xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Cái	1
51	Kìm nhổ răng trẻ em	Cái	2
52	Kìm nhổ răng người lớn	Cái	1
53	Bộ lấy cao răng bằng tay	Bộ	3
54	Đén khám chuyên khoa	Cái	3
55	Máy khí dung	Cái	3
56	Cán dao số 4	Cái	2
57	Lưỡi dao mổ	Cái	10
58	Tủ đựng thuốc	Cái	2
59	Bô tròn	Cái	5
60	Bốc thụt tháo, dây dẫn	Bộ	2
61	Túi chườm nóng	Cái	2
62	Cốc thủy tinh chia độ	Cái	1
63	Bộ nẹp chân, tay	Bộ	5
64	Garô tiêm truyền, cầm máu	Cái	5
65	Bông Y tế	Kg	3
66	Băng gạc đắp Vết thương VT	Miếng	500
67	Băng vết thương Y tế	Cuộn	100
II	KHÁM ĐIỀU TRỊ SẢN PHỤ KHOA		
1	Bàn khám phụ khoa, bàn đẻ	Cái	1
2	Thước dây	Cái	1
3	Ống nghe tim thai	Cái	1
4	Bơm tiêm 5ml	Cái	5
5	Khay quả đậu	Cái	1
6	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	10
III	DỤNG CỤ TIỆT KHUẨN		

1	Nồi hấp áp lực 20 lít (điện)	Cái	1
2	Tủ sấy điện	Cái	1
3	Hộp hấp có nắp	Cái	1
IV	THIẾT BỊ THÔNG DỤNG		
1	Bàn làm việc	Cái	9
2	Ghế	Cái	20
3	Ghế băng	Cái	2
4	Tủ đựng tài liệu	Cái	3
5	Lò sưởi điện	Cái	3
6	Máy tính kết nối Internet	Cái	5
7	Máy in	Cái	3
8	Máy tính Casio	Cái	4
V	TÚI Y TẾ CẤP CỨU		
1	Túi đựng dụng cụ	Cái	1
2	Panh thẳng có máu	Cái	1
3	Panh thẳng không máu	Cái	1
4	Kẹp phẫu tích có máu	Cái	1
5	Kẹp phẫu tích có máu	Cái	1
6	Huyết áp, ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế	Cái	1
8	Hộp tiểu phẫu	Hộp	1
9	Bông cotton Y tế	Hộp	1
10	Băng gạc đắp vết thương	Miếng	5
11	Băng vết thương	Cuộn	5
12	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	3
13	Bộ nẹp tay, chân	Bộ	1
14	Kéo thẳng	Cái	1

3. Bảng mô tả mô hình tổ chức và nhân lực:

TT	Chức vụ	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Trưởng Trạm	Thái Thị Tân	Bác sĩ đa khoa	
2	P.Trưởng Trạm	Nguyễn Hoàng Hà	Y sĩ đa khoa	
3		Nguyễn Thị Hiền	Bác sĩ đa khoa	
4		Nguyễn Thị Mai Phương	Y sỹ Răng hàm mặt	

5		Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Y sỹ đa khoa	
6		Đường Hải Hồng	Y sỹ đa khoa	
7		Cao Thị Thanh Yên	Điều dưỡng trung học	
8		Đặng Thị Tịnh	Điều dưỡng trung học	
9		Nguyễn Thị Đức Hạnh	Dược sỹ trung học	

TRƯỞNG TRẠM



Bs Thái Thị Tân